TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày 21-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh,

Ông Nguyễn Văn Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Xuân T, sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số 8, T 21, cụm 3, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại Bản án số 25/2014/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự (ngày 31 tháng 8 năm 2015 được đặc xá ra tù, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm - chưa được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 28 tháng 12 năm 2017 đến ngày 03 tháng 01 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1980; địa chỉ: K103, K104 chung cư C, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu, tối ngày 27 tháng 4 năm 2016 tại nhà nghỉ thuộc đường Hào Khê, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Bùi Quang P, sinh năm 1994, ở tổ 4, cụm 7, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng rủ Trần Xuân T và Trần Quang H, sinh năm 1993, ở số 2B/305 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản. T đồng ý, H không đồng ý và bỏ về trước còn T và P ngủ lại nhà nghỉ. Khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2016 P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15C1-068.78 mượn của chị Vũ Anh T, sinh năm 1996, ở xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng chở T ngồi sau để tìm người sơ hở giật tài sản. Để tránh bị phát hiện, T và P dùng cờ lê tháo biển kiểm soát 15C1-068.78 của xe thay bằng biển kiểm soát 15B1-818.69. Sau đó P đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm dạng nửa đầu màu đen điều khiển xe, chở T đi lòng vòng qua các tuyến phố nội thành Hải Phòng. Đến khu vực cầu Xi Măng thuộc phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thì phát hiện anh Lưu Dũng A, sinh năm 1975, ở phường M, quận N, thành phố Hải Phòng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B1-640.76 chở chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1980, ở phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Chị M mặc váy, ngồi lệch về bên trái, đeo túi xách màu đen ở trước bụng. P điều khiển xe bám theo đến khu vực đỉnh cầu Bính thuộc địa phận xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, áp sát xe của anh Dũng A để T ngồi sau dùng tay giật mạnh lấy được túi xách của chị M; chị M bị giật túi đã ngã xuống đường bị thương tích. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, P điều khiển xe cùng T bỏ chạy theo đường liên xã Hoa Động - Thiên Hương ra Quốc lộ 10, sau đó qua cầu Kiền về Quốc lộ 5. Trên đường bỏ chạy, P và T dừng lại ở một bãi đất trống, cùng nhau kiểm tra túi xách vừa giật được có khoảng hơn 8.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng, 02 chiếc nhẫn màu vàng và một số giấy tờ cá nhân, thẻ ngân hàng. P lấy tiền, điện thoại, 02 chiếc nhẫn cất vào trong người, còn lại túi xách và các tài sản khác vứt lại bụi cỏ. P chở T về sân vận động huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng và chia cho T 5.000.000 đồng, số tài sản còn lại P giữ để sử dụng.

Quá trình điều tra T bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 28 tháng 12 năm 2017 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra Trần Xuân T khai nhận như đã nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Xuân T thừa nhận hành vi cùng Bùi Quang P cướp giật tài sản của chị M như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06 tháng 6 năm 2016 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 chiếc túi xách, 01 điện thoại, 01 nhẫn vàng tây, 01 nhẫn vàng ý của chị M có trị giá 13.600.000 đồng. Tổng số tài sản T, P chiếm đoạt của chị M là 33.600.000 đồng.

Về dân sự: Tại Bản án số 185/2016/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuyên Bùi Quang P phải bồi thường cho chị Trần Thị Ngọc M tổng số 51.600.000 đồng. Sau khi bị bắt truy nã, gia đình T đã tự nguyện bồi thường cho chị Mỹ 9.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đã được giải quyết xong tại Bản án số 185/2016/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung kết luận định giá tài sản, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 53/2018/CT-VKS ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Trần Xuân T về tội Cướp giật tài sản theo điểm c và điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (BLHS năm 1999). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c và điểm d khoản 2 Điều 136, Điều 53 của BLHS năm 1999, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015) xử phạt bị cáo từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù; không phạt tiền bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, vào hồi 13 giờ ngày 28/5/2016 Bùi Quang P đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15C1-068.78 chở bị cáo T bám theo xe mô tô do anh Dũng A đang chở chị M lưu thông tại khu vực cầu Xi măng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng về hướng cầu Bính; khi đến khu vực cầu Bính thì tăng tốc rồi áp sát xe mô tô của anh Dũng A, T đã cướp giật được của chị M hơn 8.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng, 02 chiếc nhẫn màu vàng và một số giấy tờ cá nhân, thẻ ngân hàng, túi xách. Hành vi sử dụng xe mô tô là nguy hiểm và được xác định là dùng thủ đoạn nguy hiểm và năm 2014 bị cáo T đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý là tái phạm nguy hiểm. Với hành vi trên bị cáo T đã phạm tội Cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của BLHS năm 1999. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là liều lĩnh, táo bạo, nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo không có

tình tiết tăng nặng; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho chị M để khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[4] Về hình phạt: Vụ án có đồng phạm, Trần Xuân T là người thực hành tội phạm tích cực; bị cáo T vi phạm 02 tình tiết định khung hình phạt và tại bản án số 185/2016/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã xử bị cáo P 04 năm 06 tháng tù nên cần xem xét để quyết định hình phạt đối với bị cáo T và cần xử phạt bị cáo T mức án cao hơn bị cáo Bùi Quang P. Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T và xử phạt bị cáo T với mức án trên mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tại khoản 5 Điều 136 của BLHS năm 1999 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, nhưng bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Thiệt hại của chị M đã được giải quyết xong tại bản án số 185/2016/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên; Bùi Quang P có quan điểm sẽ tính toán, thỏa thuận với bị cáo Trần Xuân T giải quyết chia tỷ lệ bồi thường sau nên không xem xét và tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi Bùi Quang P có yêu cầu đối với bị cáo Trần Xuân T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 136, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; xử phạt: Trần Xuân T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thuỷ Nguyên;
- Trại giam công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam công an huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng